

Số: 01 /GPMT-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UB ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-KCNC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội, Chỉ thị số 27-CT/TU của Thành ủy và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Theo ý kiến của Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Trung tâm Đào tạo Nhân lực Chất lượng cao HUTECH” tại Phân khu đào tạo E1 (khối 15-A, 15-B, 15-C) Khu công nghệ cao, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh của Trường Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh tại buổi họp thẩm định vào ngày 16 tháng 12 năm 2024;

Xét đề nghị của Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản số 5316/ĐKC ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với cơ sở “Trung tâm Đào tạo Nhân lực Chất lượng cao HUTECH” và hồ sơ hoàn thiện kèm theo Văn bản số 5322/ĐKC ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc giải trình chỉnh sửa Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trung tâm Đào tạo Nhân lực Chất lượng cao HUTECH” tại Phân khu đào tạo E1 (khối 15-A, 15-B, 15-C) Khu công nghệ cao, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tại Phiếu trình ngày 03 tháng 01 năm 2025 và Báo cáo số 02/BC-QHXDMT ngày 03 tháng 01 năm 2025 về kết quả thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trung tâm Đào tạo Nhân lực Chất lượng cao HUTECH” của Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh tại Phân khu đào tạo E1 (khối 15-A, 15-B, 15-C) Khu công nghệ cao, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm Đào tạo Nhân lực Chất lượng cao HUTECH” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Trung tâm Đào tạo Nhân lực Chất lượng cao HUTECH” (viết tắt là Cơ sở)

1.2. Địa điểm hoạt động: Phân khu đào tạo E1 (khối 15-A, 15-B, 15-C) Khu công nghệ cao, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 41321000075 được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2014.

1.4. Mã số thuế: 0303600888

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: giáo dục, nghiên cứu khoa học.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 182/QĐ-KCNC ngày 14 tháng 10 năm 2014.

- Tổng diện tích khu đất cơ sở: 16.383,5 m² (theo hợp đồng thuê đất số 70/HĐTD/KCNC-2014 ngày 15 tháng 07 năm 2014 giữa Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh). Trong đó bao gồm: 3 khối nhà 15-A, 15-B, 15-C công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật đi kèm; có tổng diện tích xây dựng 16.383,5 m²; tổng diện tích sàn xây dựng là 32.512,5m²; chiều cao công trình: từ 19,75m đến 52,15m; tầng cao tối đa 14 tầng đã được Bộ xây dựng - Cục giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chấp thuận kết quả nghiệm thu tại Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng số 03/GĐ-GĐ1/HT ngày 06/01/2020 và Thông báo số 175/GĐ-GĐ1/HT ngày 28/12/2022.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải

theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Thực hiện theo đúng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký đầu tư đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trường hợp có sự thay đổi, phải báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để được xem xét, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các hồ sơ pháp lý liên quan khác theo đúng quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** kể từ ngày giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Trường Đại học Công nghệ TP.HCM;
- UBND TPHCM;
- Sở TN&MT TPHCM;
- UBND thành phố Thủ Đức;
- Các PTB (đề biết);
- Văn phòng Ban Quản lý KCNC;
- BQLCDA;
- Ban biên tập trang thông tin SHTP (để đăng tải trang thông tin điện tử);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Kh. 11

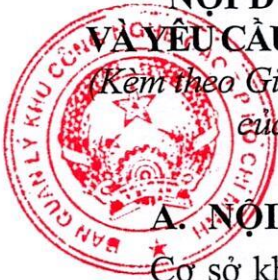


TRƯỞNG BAN
Nguyễn Kỳ Phùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01.../GPMT-KCNC ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý không xả trực tiếp ra môi trường, được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục xử lý).

Nước thải của dự án sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải, đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh. Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 19/HĐ-QLCDA-XLNT ngày 01 tháng 02 năm 2018 với Ban quản lý các dự án Đầu tư – Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (là đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được phân công phụ trách quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn thải 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các chậu xí, âu tiêu được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại của từng khối nhà, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguồn thải 02: Nước thải phát sinh từ các chậu rửa lavabo và phễu thu nước sàn được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại của từng khối nhà, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguồn thải 03: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa và vệ sinh (không nấu ăn) tại căn tin được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ của cơ sở với tổng thể tích 30,6m³, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguồn thải 04: Nước thải phát sinh từ xịt rửa các thùng chứa rác sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại ngăn thứ 3 bể tự hoại của khối nhà 15-C với thể tích 50,4 m³, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguồn thải 05: Nước thải từ phòng thí nghiệm được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm có công suất 6,0 m³/ngày, sau đó được đưa vào bồn chứa nước sau xử lý và thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó phần bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm được thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

Chất lượng nước thải sau xử lý sơ bộ tại các nguồn số 01, nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04, nguồn số 05 nêu trên đảm bảo đạt chất lượng theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về việc công bố tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thông qua 01 điểm đầu nối trên Đường số 01. Vị trí đầu nối nước thải tại hố ga đầu nối với tọa độ X = 1.200.725; Y = 613.036 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Gồm 04 bể tự hoại với tổng thể tích 815,8m³, trong đó bao gồm: 01 bể tự hoại thể tích 165 m³ tại Khối nhà 15-A, 01 bể tự hoại thể tích 550 m³ tại Khối nhà 15-B, 02 bể tự hoại thể tích 50,4 m³/bể tại Khối nhà 15-C.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các chậu xí, âu tiểu, chậu rửa lavabo, phễu thu nước sàn, xịt rửa các thùng chứa rác sinh hoạt → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → hố ga thoát nước thải của cơ sở → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Bể tách dầu mỡ có thể tích là 30,6 m³, gồm 03 ngăn được đặt tại Khối nhà 15-C.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải phát sinh từ quá trình rửa và vệ sinh (không nấu ăn) tại căn tin → bể tách dầu mỡ → hố ga thoát nước thải của cơ sở → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm có công suất tối đa 6,0 m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm → bể thu gom → bể điều hòa → bể phản ứng kết hợp lắng → bể vi sinh hiếu khí kết hợp MBR → bồn chứa nước sau xử lý → hố ga thoát nước thải của cơ sở → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer.

Toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở → đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao tại 01 hố ga đầu nối trên Đường số 01 với tọa độ $X = 1.200.725$; $Y = 613.036$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại.
- Bố trí nhân viên quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố. Thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, quy trình, công suất; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.
- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn. Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.
- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bề điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm công suất $6,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm.
- Đầu ra: tại bồn chứa nước sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: đảm bảo đạt chất lượng theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về việc công bố tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất giám sát định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải giám sát môi trường định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Chủ dự án tự đề xuất quan trắc với tần suất 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	TSS	mg/L	300		
3	COD	mg/L	600		
4	BOD ₅	mg/L	250		
5	Tổng P	mg/L	14		
6	Tổng N	mg/L	60		
7	Phenol	mg/L	0,05		
8	Cu	mg/L	1,0		
9	Dầu mỡ khoáng	mg/L	5		
10	Tổng Coliform	mg/L	37×10^7		

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT), cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: tối thiểu 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải) trong 03 ngày liên tiếp sau (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo

đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thu gom xử lý nước thải của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh).

3.4. Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi đầu nối vào Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số .01.../GPMT-KCNC ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn khí thải: Khí thải phát sinh từ hoạt động của 01 tủ hút phòng thí nghiệm tại tầng 01 của tòa nhà 15-C.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: trong khuôn viên cơ sở “Trung tâm Đào tạo Nhân lực Chất lượng cao HUTECH” tại Phân khu đào tạo E1 (khối 15-A, 15-B, 15-C) Khu công nghệ cao, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Cơ sở).

Dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí thải của tủ hút phòng thí nghiệm tại tầng 01 của tòa nhà 15-C (tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.200.686$; $Y = 613.049$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $500 \text{ m}^3/\text{giờ}$

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng tủ hút).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	≤ 20.000	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)
2	HCl	mg/Nm^3	50		
3	H_2SO_4	mg/Nm^3	50		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Khí thải phát sinh từ tủ hút hóa chất được thu gom vào khay lọc than hoạt tính của tủ hút sau đó theo phương thức quạt hút cưỡng bức xả ra môi trường qua ống thoát khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: khí thải từ hoạt động của tủ hút phòng thí nghiệm → khay lọc than hoạt tính → quạt hút → ống thải.

- Công suất thiết kế: quạt hút có lưu lượng 500 m³/giờ, ống thoát khí thải có đường kính 200mm, chiều cao 3.000 mm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống đường ống, hệ thống xử lý bụi, khí thải và quạt hút để kịp thời phát hiện những sự cố có thể xảy ra.

- Kiểm định, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị sản xuất thường xuyên, đảm bảo hoạt động đúng quy trình nhà sản xuất đưa ra.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng. Tạm ngừng các công đoạn hoạt động có phát sinh khí thải chờ khắc phục xong sự cố mới tiếp tục hoạt động.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải từ tủ hút hóa chất phòng thí nghiệm, công suất 500 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Ổng thoát khí thải của tủ hút hóa chất phòng thí nghiệm, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.200.686, Y = 613.049 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Thông số: Lưu lượng; HCl; H₂SO₄.

Quy chuẩn áp dụng: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p= 1; K_v=1).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 01 mẫu đơn được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải) trong 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn hiệu chỉnh (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý khí thải gửi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Ổng thoát khí thải (sau hệ thống xử lý khí thải) phải có vị trí lấy mẫu



theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng.

3.6. Đảm bảo khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$; $K_v = 1$).

3.7. Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.





Phụ lục 3

BAO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01./GPMT-KCNC ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: hoạt động của máy bơm nước cấp.
- Nguồn số 02: hoạt động của máy bơm, máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm, công suất 6,0 m³/ngày.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1200591; Y = 612991.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1200626; Y = 613058.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bệ máy kiên cố. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

1.2. Thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín), lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su chống rung.

1.3. Trong quá trình hoạt động thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy.

1.4. Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kỳ để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra.

1.5. Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để giảm thiểu tiếng ồn và đảm bảo điều kiện vi khí hậu

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01../GPMT-KCNC ngày 01 tháng 01 năm 2025
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

STT	Tên chất thải	Ký hiệu	Mã CTNHH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	KS	08 02 04	Rắn	5
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	18 02 01	Rắn	5
3	Pin, ắc quy thải	NH	16 01 12	Rắn	3
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 01	Rắn	15
5	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	KS	19 05 02	Lỏng	36
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 03	Rắn	10
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	KS	18 01 04	Rắn	20
8	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	KS	12 06 05	Bùn	400
9	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	NH	12 01 04	Rắn	7
Tổng cộng					501

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Ký hiệu	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bao bì carton, nylon	TT-R	18 01 05 18 01 06	Rắn	0,24
2	Bùn từ quá trình nạo vét hồ ga thu gom, thoát nước mưa	TT	03 01 09	Rắn/bùn	0,7
3	Bùn lắng từ bể tự hoại				9,6
4	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	TT	12 06 11	Bùn	2,4
Tổng số lượng					12,94

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy vụn, vỏ hộp, bìa)	42.900
3	Chất thải còn lại (chất hữu cơ)	14.299
Tổng khối lượng		57.199

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng nhựa có nắp đậy (08 thùng loại 60 đến 120 lít) và các bao PP chống thấm, bên ngoài được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 12 m².
- Vị trí bố trí: được đặt tách biệt ở tầng 01 của khối nhà 15-C, cạnh khu vực tập kết chất thải rắn.
- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải nguy hại được bố trí có nền bê tông

chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong phòng chứa, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo; trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với bao bì carton, nylon: trang bị thùng có nắp đậy (01 thùng loại 120 lít), bên ngoài được dán tên, mã chất thải công nghiệp thông thường và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để thu gom, lưu trữ bao bì carton, nylon.

- Bùn từ quá trình nạo vét hố ga thu gom, thoát nước mưa, bùn lắng từ bể tự hoại, hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước được chứa tại hố ga thu gom, thoát nước mưa, bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, định kỳ được nạo vét, thu gom và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 75,6 m² (khu tập kết, phân loại chất thải rắn).
- Vị trí bố trí: được đặt tách biệt ở tầng 01 của khối nhà 15-C cạnh kho chứa chất thải nguy hại.
- Thiết kế, cấu tạo: phòng chứa chất thải công nghiệp thông thường được bố trí có nền bê tông chống thấm, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị 02 đến 03 thùng chứa có dung tích 60 lít đặt tại hu vực hành lang mỗi tầng; 01 thùng chứa có dung tích 10 lít đặt tại khu vực nhà vệ sinh của mỗi tầng; 01 thùng chứa dung tích 60 lít đặt tại mỗi phòng học.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m².
- Vị trí bố trí: được đặt tách biệt bên ngoài phía Đông Nam của khối nhà 15-C gần khu vực hệ thống xử lý nước thải phòng thí nghiệm.
- Thiết kế, cấu tạo: điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt có nền bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định và ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý đối với chất thải phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tần suất thu gom.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

trường.

3. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .01../GPMT-KCNC ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau khi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 24 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.

